TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2017/DS-ST
Ngày: 01-9-2017
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em;

2. Ông Nguyễn Như Thủy.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7 – Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM *tham gia phiên tòa*:

Bà Trần Thị Yến Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 9 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 136/2016/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2016 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2017/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH Một thành viên J; trụ sở: lầu 15 Tòa nhà C, 72-74 Đường K, Phường 6, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp của Công ty: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1992 – nhân viên thu hồi nợ, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 178/2016/UQLM-JIVF ngày 14/9/2016 của JIVF) (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; địa chỉ: 37/6 Đường P, tổ 8, khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Anh D, sinh năm 1966; địa chỉ: 37/6 Đường P, tổ 8, khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 29/01/2016, giữa Công ty Tài chính TNHH Một thành viên J và bà Nguyễn Thị L ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng vay số 1033-000-001-2339-000, theo đó các bên thỏa thuận J đồng ý cho bà L vay số tiền 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng), thời hạn vay 18 tháng, lãi suất 4.12%/tháng, tổng tiền lãi 9.803.526đ (chín triệu tám trăm lẻ ba ngàn năm trăm hai mươi sáu đồng), mỗi tháng trả 1.834.611đ (một triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn sáu trăm mười một đồng), mục đích vay là để mua trả góp xe gắn máy tại cửa hàng xe máy Sài Gòn Viễn Đông. Sau khi được J cho vay, bà Lđã hoàn tất thủ tục mua bán xe gắn máy với cửa hàng xe máy Sài Gòn Viễn Đông và được Công an Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 015252 đối với xe gắn máy loại Vision biển số 59C2-577.30

Trong suốt quá trình cho vay, bà L chỉ mới thanh toán được nợ gốc 1.076.920đ (một triệu không trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng), tiền lãi 758.080đ (bảy trăm năm mươi tám ngàn không trăm tám mươi đồng).

Để hạn chế việc bà L bán xe gắn máy trên, các bên thỏa thuận tại khoản 4.2 Điều 4 của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng vay số 1033-000-001-2339-000: bà L đồng ý để J giữ bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy.

Nguyên đơn là J yêu cầu Tòa án nhân dân Quận B buộc bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm thanh toán cho J một lần số tiền nợ gốc còn lại là 21.923.080đ (hai mươi mốt triệu chín trăm hai mươi ba ngàn không trăm tám mươi đồng), tiền lãi tính đến ngày 01/9/2017 là 12.046.050đ (mười hai triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn không trăm năm mươi đồng), tổng cộng: 33.969.130đ (ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn một trăm ba mươi đồng). Ngoài ra, bà L còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn theo Hợp đồng cho đến khi nào trả hết số tiền trên.

Công ty Tài chính TNHH Một thành viên J đồng ý trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 015252 do Công an Quận B Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/02/2016 đối với xe gắn máy hiệu Vision biển số 59C2-577.30 cho bà Nguyễn Thị L.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn là J có ông Phạm Văn S đại diện theo uỷ quyền của J có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 28/8/2017 và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Anh D đã được Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo hòa giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giả; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2017/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2017/QĐST-HPT ngày 15/8/2017 nhưng bà

Nguyễn Thị L và ông Trần Anh D vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L và ông Trần Anh D theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn và người đại diện đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ những quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật TTDS năm 2015 (vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án) và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chưa thực hiện đầy đủ những quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án) và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của Công ty Tài chính TNHH MTV J, có cơ sở cho rằng ngày 09/01/2016, Công ty Tài chính TNHH MTV J đồng ý cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị L để mua xe máy tại Head Sài Gòn Viễn Đông với số tiền 23.000.000 đồng, thời hạn vay 18 tháng, lãi suất 4.12%/ tháng, thanh toán số tiền 1.834.611 đồng vào ngày 22 hàng tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L chỉ mới thanh toán được 1.835.000 đồng (gốc: 1.076.531 đồng, lãi: 758.080 đồng) vào ngày 24/02/2016 và ngưng cho đến nay. Để tránh việc bà L bán xe nên Công ty đã giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 015252 do Công an Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/02/2016. Mặc dù của Công ty Tài chính TNHH MTV J đã nhiều lần nhắc nợ nhưng bà L trốn tránh và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân Quận B.

Xét thấy, tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng vay, các bên thỏa thuận về mức cấp tín dụng, thời hạn và phương thức trả nợ, tuy nhiên bà L không thực hiện đầy đủ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi là có cơ sở nên chấp nhận. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ngoài trả nợ gốc và lãi còn phải trả tiền phạt, phí tất toán hợp đồng trước hạn. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải ngày 20/6/2017, nguyên đơn chỉ yêu cầu trả tiền gốc 21.923.080 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 20/6/2017 là 12.046.050 đồng, không yêu cầu tiền phạt và phí tất toán hợp đồng trước hạn, yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

Căn cứ các Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2015.

Đề nghị HĐXX tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên J về việc trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 015252 do Công an Quận B Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/02/2016 đối với xe gắn máy hiệu Vision biển số 59C2-577.30 cho bà Nguyễn Thị L.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền còn nợ lại theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng vay thì đây là tranh chấp về "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ vào Kết quả xác minh của Công an phường T, Quận B, Tp.HCM thì bị đơn là bà Nguyễn Thị L hiện đang cư trú tại 37/6 đường L, tổ 8, khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng năm 2015.

2. Về hình thức:

Nguyên đơn là J có ông Phạm Văn S là người đại diện theo ủy quyền có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Anh D mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ để để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính TNHH MTV J số 90/GP-NHNN ngày 13/4/2010; Quyết định số 1909/QĐ-NHNN ngày 18/9/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi Giấy phép đối với việc thay đổi mức vốn điều lệ của Công ty tài chính TNHH MTV J; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV thì việc nguyên đơn ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng vay với bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 41 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 1 Nghị định 81/2008/NĐ-CP ngày 29/7/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 79/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty tài chính, Điều 3 Nghị định 39/2014/NĐ-CP ngày 7/5/2014 của Chính phủ về hoạt động của Công ty tài chính và Công ty cho thuê tài chính.

Căn cứ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng vay số 1033-000-001-2339-000 ngày 29/01/2016 giữa J và bị đơn bà Nguyễn Thị L, đã có đủ cơ sở để kết luận: J có cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng).

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do J cung cấp chứng minh bà L chỉ mới thanh toán cho J số tiền vốn gốc là 1.076.920đ (một triệu không trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng), tiền lãi 758.080đ (bảy trăm năm mươi tám ngàn không trăm tám mươi đồng). Như vậy tổng số nợ mà bà L còn nợ lại J theo thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng vay tính đến ngày 01/9/2017: số tiền nợ gốc còn lại là 21.923.080đ (hai mươi mốt triệu chín trăm hai mươi ba ngàn không trăm tám mươi đồng), tiền lãi tính đến ngày 01/9/2017 là 12.046.050đ (mười hai triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn không trăm năm mươi đồng), tổng cộng:

33.969.130đ (ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn một trăm ba mươi đồng).

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những phân tích nhận định như trên có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 21.923.080đ (hai mươi mốt triệu chín trăm hai mươi ba ngàn không trăm tám mươi đồng), tiền lãi tính đến ngày 01/9/2017 là 12.046.050đ (mười hai triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn không trăm năm mươi đồng), tổng cộng: 33.969.130đ (ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn một trăm ba mươi đồng).

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày 02/9/2017, bà Nguyễn Thị L còn phải thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên J (tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng vay của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên J kể từ ngày 02/9/2017 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ lãi quá hạn và nợ gốc ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về nợ gốc, lãi nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên J về việc trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 015252 do Công an Quận B Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/02/2016 đối với xe gắn máy hiệu Vision biển số 59C2-577.30 cho bà Nguyễn Thị L.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 180, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng năm 2015;

- Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005.

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án,

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

Về hình thức: xét xử vắng mặt Công ty Tài chính TNHH Một thành viên J bà Nguyễn Thị L và ông Trần Anh D.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên J.

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên J số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 01/9/2017, tổng cộng là 33.969.130đ (ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn một trăm ba mươi đồng, bao gồm nợ gốc 21.923.080đ (hai mươi mốt triệu chín trăm hai mươi ba ngàn không trăm tám mươi đồng và tiền lãi 12.046.050đ (mười hai triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn không trăm năm mươi đồng). Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, kể từ ngày 02/9/2017 bà Nguyễn Thị L còn phải thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên J tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng vay của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên J cho đến khi thanh toán hết nợ.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên J về việc trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 015252 do Công an Quận B Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/02/2016 đối với xe gắn máy hiệu Vision biển số 59C2-577.30 cho bà Nguyễn Thị L.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.698.457đ (một triệu sáu trăm chín mươi tám ngàn bốn trăm năm mươi bảy đồng).

Công ty Tài chính TNHH Một thành viên J không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 665.247đ (sáu trăm sáu mươi lăm ngàn hai trăm bốn mươi bảy đồng) theo biên lai thu tiền tạm

ứng án phí số AD/2014/0009603 ngày 11/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên J.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Công ty Tài chính TNHH Một thành viên J, bà Nguyễn Thị L và ông Trần Anh D được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Chí Hiếu